

Số: /KH-UBND

Kiên Hải, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH
Hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn
đặc khu Kiên Hải năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Công văn số 3497/CĐSQG-CNCPS ngày 15/12/2025 của Cục Chuyển đổi số quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thúc đẩy, phát huy hiệu quả của các Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân;

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Kiên Hải về nâng cao Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) đặc khu Kiên Hải năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 14/4/2026 của UBND tỉnh An Giang về hoạt động tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) trên địa bàn đặc khu Kiên Hải năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số của đặc khu. Đưa nền tảng số, công nghệ số đến với người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng để thúc đẩy chuyển đổi số, hướng dẫn người dân tiếp cận môi trường số, người dân tiên phong sử dụng nền tảng số, công nghệ số.

b) Hỗ trợ và phát huy vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập, với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người” sử dụng nền tảng số, nhất là ở nơi xa trung tâm hành chính đặc khu, nơi có điều kiện khó khăn, bảo đảm người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản.

c) Tổ công nghệ số cộng đồng là lực lượng mang tính huy động sức mạnh toàn dân, ở gần dân, sát dân và là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo của đặc khu về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến cấp/tổ.

d) Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của đoàn viên, thanh niên trong hoạt động chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số cộng đồng dân cư nói riêng. Tăng cường năng lực hoạt động của đoàn viên, thanh niên trong Tổ công nghệ số cộng đồng.

2. Yêu cầu

a) Triển khai có hiệu quả nền tảng số, công nghệ số đến từng cấp/tổ, hộ gia đình, gắn với cuộc sống của người dân. Các nội dung phải phù hợp với địa phương; người dân được tiếp cận công nghệ theo cách đơn giản, tự nhiên, xuất phát từ nhu cầu và tạo ra giá trị thiết thực.

b) Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng đến 100% các cấp trên địa bàn đặc khu.

c) Việc triển khai thực hiện phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ phụ trách địa bàn, ban nhân dân cấp và các thành viên Tổ CNSCĐ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Đưa công nghệ số, kỹ năng số đến từng hộ gia đình, từng người dân. Giúp người dân dễ dàng tiếp cận, hiểu, sử dụng các nền tảng số cơ bản trong đời sống hằng ngày và đem lại hiệu quả thiết thực. Thu hẹp khoảng cách số, nhất là ở địa bàn biên đảo và đất liền; giữa các cấp địa bàn trên địa bàn đặc khu.

b) Thu hút được sự tham gia của người dân trong công cuộc chuyển đổi số. Lấy người dân là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của sự phát triển.

c) Tổ công nghệ số cộng đồng làm cầu nối giữa chính quyền và người dân. Phản ánh khó khăn, vướng mắc khi sử dụng công nghệ số. Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân. Phát triển kinh tế số, xã hội số; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2026

a) 100% cấp có ít nhất 01 Tổ CNSCĐ.

b) Có 100% số thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng nắm vững các kỹ năng số cơ bản để hướng dẫn người dân.

c) Phần đầu tối thiểu 50% dân số (từ 14 tuổi trở lên) có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

d) Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 80%

đ) Tỷ lệ người dân (từ 15 tuổi trở lên) được phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt từ 90%.

e) Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về CNTT và truyền thông đạt tối thiểu 80%.

- f) Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.
- g) Tỷ lệ danh tính số/tài khoản định danh điện tử cho người dân từ 14 tuổi đạt từ 85%.
- h) Phối hợp tổ chức ít nhất 03 lớp tập huấn tại các tổ phụ trách địa bàn trên toàn đặc khu.

III. NHIỆM VỤ TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG

1. Tuyên truyền chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, công nghệ số đến doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, người dân.
2. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ. Thực hiện theo sự hướng dẫn, điều phối chung của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân đặc khu; huy động sự tham gia của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ số tại địa bàn và các đơn vị có liên quan trong việc hỗ trợ triển khai nền tảng số, công nghệ số, hướng dẫn kỹ năng số đến với người dân.
3. Triển khai, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng theo chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, chính quyền địa phương.
4. Tham gia hiệu quả vào Mạng lưới công nghệ số cộng đồng trên phạm vi toàn quốc do Bộ Khoa học và Công nghệ điều phối chung.
5. Thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến chuyển đổi số, công nghệ số theo sự chỉ đạo của chính quyền đặc khu.

IV. HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

1. Kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng

- a) Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Quyết định kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng các ấp. Trong đó, lực lượng nòng cốt là Đoàn Thanh niên; các thành viên khác có thể gồm cán bộ ấp, lực lượng An ninh trật tự cơ sở, Trưởng ấp, đảng viên, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận, Tổ NDTQ, nhân viên doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ số và các thành phần khác.
- b) Số lượng thành viên hoạt động mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng ít nhất 04 thành viên.
- c) Các thành viên Tổ CNSCĐ có tinh thần năng nổ, nhiệt tình hoạt động cộng đồng; có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số; có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.

2. Tập huấn nghiệp vụ cho Tổ công nghệ số cộng đồng

- a) Nội dung tập huấn
- Các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số.
 - Hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số, ứng dụng VNeID và các ứng dụng trên app chính quyền điện tử tỉnh An Giang (Smart

AnGiang); dịch vụ công trực tuyến; sàn thương mại điện tử; giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt; lĩnh vực y tế (hỗ trợ chăm sóc sức khỏe người dân, đặt lịch khám bệnh, tư vấn từ xa); lĩnh vực giáo dục (kết nối giữa phụ huynh, học sinh và nhà trường, quản lý nhà trường, quản lý học sinh, tra cứu điểm, kết quả học tập) và nội dung khác được phát triển trong thời gian tới.

- Hướng dẫn cài đặt, sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử; Nền tảng học trực tuyến; Bình dân học vụ số; Trí tuệ nhân tạo (AI); nền tảng số, ứng dụng trong công việc, cuộc sống.

- Kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu cá nhân trên môi trường số. - Cài đặt, sử dụng ứng dụng theo chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, chính quyền địa phương.

- Các nội dung khác theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền.

b) Phương thức tập huấn

- UBND đặc khu chủ trì phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, các doanh nghiệp công nghệ số và đơn vị có liên quan tập huấn trực tuyến hoặc trực tiếp, hướng dẫn cài đặt, sử dụng ứng dụng cho các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Ủy ban nhân dân đặc khu chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số và đơn vị có liên quan tập huấn trực tiếp hoặc hình thức phù hợp cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn.

c) Thời gian và địa điểm triển khai: 03 lớp trực tiếp trên địa bàn đặc khu (trong Quý III/2026) tại các Tổ địa bàn: Hòn Tre, Lại Sơn và An Sơn; và 01 lớp trực tuyến với các Tổ địa bàn của Tổ CNSCĐ.

3. Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng

a) Nội dung triển khai

- Thông tin, tuyên truyền sâu rộng chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số đến các hộ gia đình, người dân trong ấp/tổ.

- Về chính quyền số: Hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên thiết bị di động gắn với việc thực hiện thi đua mô hình “mỗi ngày hướng dẫn 01 gia đình thực hiện dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn đặc khu; sử dụng các dịch vụ số và tương tác với chính quyền. Hướng dẫn cài đặt, sử dụng các ứng dụng trên app chính quyền điện tử tỉnh An Giang (Smart An Giang).

- Về kinh tế số: Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn đăng ký tham gia sàn thương mại điện tử; mở tài khoản thanh toán điện tử; hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng số, công nghệ số để quảng bá sản phẩm, tạo gian hàng, nhận đơn, đóng gói sản phẩm và quan trọng nhất là cam kết cung cấp sản phẩm đúng chất lượng cho khách hàng.

- Về xã hội số: Hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt, sử dụng các dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, duyệt website thông qua các nền tảng số. Hướng dẫn cài đặt, sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử; Nền tảng học

trực tuyến; hướng dẫn người dân tham gia học tập theo phong trào “Bình dân học vụ số”; Trí tuệ nhân tạo (AI). Tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID; tích hợp giấy tờ và liên thông dữ liệu trên ứng dụng VNeID; mở, sử dụng tài khoản ngân hàng; tích hợp, sử dụng Sổ sức khỏe điện tử vào ứng dụng VNeID; tích hợp tài khoản ngân hàng của người có công vào ứng dụng VNeID để bảo đảm điều kiện công dân số và đẩy mạnh thực hiện chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

- Các nội dung khác theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền.

b) Phương thức triển khai

- Các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng nghiên cứu, sử dụng tài liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình hoạt động, triển khai công nghệ số đến người dân.

- Tổ công nghệ số cộng đồng triển khai các nền tảng số đã được tập huấn và trực tiếp làm mẫu, hướng dẫn cho ít nhất 80% số hộ gia đình trong ấp/tổ được triển khai. Sử dụng mạng xã hội zalo hoặc mạng xã hội khác để lập nhóm gồm các cá nhân đại diện hộ gia đình trong ấp để hỗ trợ, tương tác, hướng dẫn thường xuyên.

- Sử dụng infographic, các áp phích (theo mẫu của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ số cung cấp), video clip, tệp âm thanh hướng dẫn để tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng.

- Các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp cận người dân để tuyên truyền, hướng dẫn theo hình thức đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người và kết hợp với hình thức phù hợp khác.

c) Báo cáo công tác triển khai

Tổ công nghệ số cộng đồng cập nhật và báo cáo số lượng thành viên hoạt động; tình hình thực hiện nhiệm vụ triển khai việc sử dụng nền tảng số, công nghệ số gửi về Phòng Văn hóa - Xã hội trước ngày 21 hằng tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 26 hằng tháng cuối quý.

V. THỜI GIAN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Thời gian thực hiện Kế hoạch này là năm 2026. Trường hợp có điều chỉnh, phát sinh thì thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

VI. KINH PHÍ

1. Nguồn ngân sách nhà nước (kinh phí chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số) theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân đặc khu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Hàng năm, căn cứ hướng dẫn của tỉnh, Kế hoạch này và các văn bản chỉ đạo của UBND đặc khu để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch hoạt động Tổ CNSCĐ trên địa bàn đặc khu theo quy định.

c) Làm đầu mối hướng dẫn Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

d) Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn.

đ) Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện hằng quý hoặc đột xuất về Ủy ban nhân dân đặc khu.

e) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc nổi bật trong chuyển đổi số và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

2. Phòng Kinh tế đặc khu

Phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND đặc khu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

3. Văn phòng HĐND-UBND đặc khu

Phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính đặc khu tập huấn, hướng dẫn Tổ công nghệ số cộng đồng sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng thuộc hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và ứng dụng tương tác hỗ trợ người dân theo hình thức phù hợp, đảm bảo hiệu quả.

4. Các phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thuộc đặc khu

Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ về chuyên môn cho Tổ công nghệ số cộng đồng; giải quyết, xử lý vướng mắc, khó khăn nếu có trong quá trình sử dụng nền tảng số, dịch vụ số liên quan đến lĩnh vực của đơn vị mình quản lý.

5. Đề nghị Đoàn thanh niên đặc khu

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này đến các đoàn viên, thanh niên trên địa bàn đặc khu.

b) Chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí, cử đoàn viên, thanh niên tham gia vào Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.

c) Tập huấn cho đoàn viên, thanh niên nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, chuyển đổi số; kỹ năng tuyên truyền, hướng dẫn, truyền tải thông tin.

6. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đặc khu; Trang thông tin điện tử đặc khu; Trang hệ sinh thái đặc khu

a) Nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số, công nghệ số rộng rãi đến người dân; nội dung có liên quan đến Tổ CNSCĐ.

b) Tuyên truyền cho người dân về lợi ích của việc sử dụng các nền tảng số, công nghệ số trong cuộc sống hằng ngày và tăng cường sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số; truyền thông, lan tỏa thông điệp, đưa tin hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, gắn với các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch đang triển khai trên địa bàn.

7. Đề nghị doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn (VNPT An Giang, VIETTEL An Giang, FPT An Giang, MobiFone An Giang, Bưu điện Kiên Hải và doanh nghiệp có liên quan)

Huy động nguồn lực tham gia tập huấn, hỗ trợ các Tổ CNSCĐ, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số, chữ ký số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

8. Các Tổ phụ trách địa bàn, Ban nhân dân các ấp

Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, giải pháp tại Kế hoạch này; chủ trì việc theo dõi, nắm bắt thông tin, rà soát đối tượng và đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện phù hợp điều kiện thực tế. Tạo điều kiện thuận lợi hoạt động của các Tổ CNSCĐ tại địa bàn. Chỉ đạo và phối hợp tốt việc tổ chức các lớp tập huấn trên địa bàn đảm bảo đối tượng, số lượng và nội dung phù hợp từng địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn đặc khu Kiên Hải năm 2026. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân đặc khu xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở khoa học công nghệ tỉnh b/c;
- TT. Đảng ủy đặc khu;
- TT. HĐND đặc khu;
- CT và các PCT UBND đặc khu;
- TT. UBMTTQ Việt Nam đặc khu;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, LLVT;
- Các Tổ phụ trách địa bàn;
- Ban nhân dân các ấp;
- Tổ công nghệ số cộng đồng các ấp;
- Lưu: VT, PVHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trị